

Số: 230 /CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 1⁵ tháng 02 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý Phát hành)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Phòng quản lý niêm yết)

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: TAW

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thế Bảo

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0903632962

Điện thoại cố định (cơ quan): (028) 39851386

Fax: (028) 3588 3475

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố: Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (Công ty) công bố thông tin về các hợp đồng đã ký với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn năm 2020 (cổ đông chiếm 65% vốn điều lệ Công ty) như sau:

- Hợp đồng ủy quyền dịch vụ phân phối nước sạch số 223/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 22 tháng 01 năm 2020;


- Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số 225/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 22 tháng 01 năm 2020;

- Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt số 224/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 22 tháng 01 năm 2020.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 13/02/2020 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn/tin-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin
GIAM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
TRUNG AN
Hàng Thế Bảo



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2020

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ phân phối nước sạch

Số: 223 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

5.1.2. Có quyền yêu cầu Bên B chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản ngân hàng của Bên A.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

5.2.1. Có nghĩa vụ thu tiền nước có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đúng quy định.

5.2.2. Có quyền yêu cầu Bên A phát hành hoá đơn tiền nước có phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt đúng tiến độ đọc số và thu tiền.

5.2.3. Có quyền yêu cầu Bên A thanh toán giá trị mà Bên B được hưởng đúng thời gian mà 02 bên thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 6: Điều khoản chung.

6.1. Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

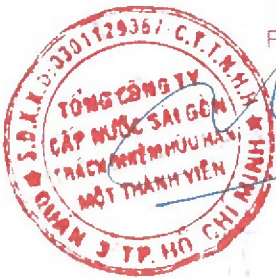
6.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) sẽ được hai Bên bàn bạc, thống nhất sửa đổi. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai Bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

6.3. Hợp đồng này được thực hiện kể từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020.

6.4. Hợp đồng này sẽ chấm dứt hiệu lực khi một trong hai Bên bị giải thể hoặc khi có thay đổi pháp luật có liên quan đến chấm dứt việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Sử

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
TRUNG AN
QU. G. V. Á. P. - T. P. H. O. C. H. I. M. I. N. H.



GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo

BÊN ỦY QUYỀN: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN-TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (sau đây gọi là Bên A)

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **TRẦN QUANG MINH** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 1361/GUQ-TCT-HĐTĐV, ngày 20 / 01/2020 của Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN (sau đây gọi là Bên B)

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 07, ngày 10/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Hai bên thoả thuận ký hợp đồng với nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi uỷ quyền.

1.1. Bên A uỷ quyền và cho Bên B dùng tư cách pháp nhân và con dấu của mình để nhân danh Bên A xác lập, thực hiện trên địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 01) và huyện Hóc Môn các công việc sau:

1.1.1 Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết Hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền; thay, nâng, dòi, dòi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước.

- 1.1.2 Lập và thực hiện các kế hoạch phát triển khách hàng căn cứ vào năng lực cung cấp và khả năng tiêu thụ nước trên địa bàn. Thực hiện xin phép đào đường, thi công, lắp đặt đồng hồ nước.
- 1.1.3 Quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng, duy tu sửa chữa mạng lưới cấp nước (bao gồm: đường ống, các công trình, thiết bị trên mạng lưới cấp nước, đồng hồ nước khách hàng) và thực hiện giảm nước thất thoát, thất thu trên địa bàn, nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng an toàn, liên tục, đạt chất lượng theo đúng các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- 1.1.4 Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại của khách hàng phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.

Điều 2. Thời hạn uỷ quyền.

Hợp đồng uỷ quyền này thực hiện từ ngày **01 tháng 01 năm 2020** đến ngày **31 tháng 12 năm 2020**.

Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 3.1.1. Chịu trách nhiệm về cam kết do Bên B thực hiện trong phạm vi uỷ quyền.
- 3.1.2. Yêu cầu Bên B thông báo về việc thực hiện công việc theo uỷ quyền.
- 3.1.3. Yêu cầu Bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ thực hiện công việc uỷ quyền.

3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 3.2.1. Thực hiện công việc trong phạm vi được uỷ quyền và báo cho Bên A về việc thực hiện công việc đó.
- 3.2.2. Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện uỷ quyền về thời hạn, phạm vi uỷ quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi uỷ quyền.
- 3.2.3. Bảo quản, giữ gìn tài liệu và phương tiện được giao để thực hiện việc uỷ quyền.
- 3.2.4. Giữ bí mật thông tin mà mình biết được trong khi thực hiện uỷ quyền.
- 3.2.5. Giao lại cho Bên A những lợi ích thu được trong khi thực hiện uỷ quyền.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng.

- Giá trị Hợp đồng này bằng 0

- Hợp đồng này là cơ sở để triển khai các Hợp đồng trong năm 2020: Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch; Hợp đồng gắn mới đồng hồ nước; Hợp đồng thay đồng hồ nước định kỳ; Hợp đồng giám sát thoát nước; Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; Hợp đồng quản lý dự án (PMC).

Điều 5: Điều khoản chung.

- 5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 5.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi nghĩa vụ của một hoặc hai bên, sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để điều chỉnh bằng phụ lục Hợp đồng.
- 5.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ phán quyết có hiệu lực pháp luật của Tòa.
- 5.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



(Handwritten signature)

Trần Quang Minh

ĐẠI DIỆN BÊN B



(Handwritten signature)

GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2020

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ PHÂN PHỐI NƯỚC SẠCH

Số: 225 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/07/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;
- Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/05/2014 của Bộ xây dựng về công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;
- Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND, ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3624/QĐ-UBND ngày 18/8/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ-Công ty con thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo hình thức Công ty mẹ-Công ty con;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm theo Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo Hợp đồng ủy quyền số: 223 /HĐ-TCT-KDDVKH, ngày 22 tháng 01 năm 2020;
- Bản thỏa thuận ngày 22 tháng 01 năm 2020 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An về Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch;

- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220431101100091 tại NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN THANH SỬ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 1363 /GUQ-TCT-HĐTV, ngày 20 /01/2020 của Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 07, ngày 10/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THỂ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch với các nội dung sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của hợp đồng.

1.1. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc:

1.1.1. Thực hiện việc giao dịch với khách hàng về dịch vụ kinh doanh nước sạch, bao gồm: Đại diện Bên A ký kết và thực hiện Hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng; cung cấp nước; đọc số, thu tiền.

- 1.1.2. Quản lý mạng cấp 3, ống nhánh và đồng hồ nước: quản lý hồ sơ, cập nhật họa đồ; hoàn chỉnh mạng lưới, bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới cấp nước (bao gồm đường ống và các công trình, thiết bị trên mạng); nâng, dời, đổi cỡ đồng hồ nước; cắt nước, mở nước, ... (tất cả các công việc liên quan đến đồng hồ nước sau khi gắn mới).
- 1.1.3. Giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực hiện các công việc nêu trên theo đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước về cung cấp và sử dụng nước.
- 1.2. Bên A thuê và Bên B nhận thuê thực hiện các công việc được nêu tại khoản 1.1 trong phạm vi địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 1), Huyện Hóc Môn.

Điều 2: Khối lượng công việc.

- 2.1. Khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê được xác định căn cứ vào doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 (Chuẩn thu 2: Là chuẩn thu được điều chỉnh hàng tháng) từ khách hàng trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1.
- 2.2. Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của khách hàng được xác định qua công tác thu tiền nước hằng tháng và/hoặc việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2020. Số tiền nước thu được trong 01 kỳ là tổng số tiền tương ứng với lượng nước do khách hàng tiêu thụ trong phạm vi địa bàn nêu tại khoản 1.2 điều 1, được ghi nhận qua công tác ghi đọc chỉ số đồng hồ nước do Bên B thực hiện theo lịch đọc số được Bên B xây dựng. Lịch đọc số này được xem là phụ lục (Phụ lục 1) kèm theo hợp đồng này.
- 2.3. Định kỳ vào ngày cuối của tháng, hai bên sẽ cùng thống nhất doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2 của năm 2020 và tiền nước thu được của năm 2019 chưa thu được (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường), để tính toán doanh thu tiền nước thu được từ khách hàng sử dụng nước trong kỳ làm cơ sở để Bên A thực hiện việc thanh toán được qui định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Điều 3: Chất lượng công việc.

3.1 Chất lượng nước sạch cung cấp:

- 3.1.1. Chất lượng nước sạch cung cấp cho khách hàng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống, QCVN 01:2009/BYT được ban hành kèm Thông tư số 04/2009/TT-BYT, ngày 17/06/2009 của Bộ Y tế.
- 3.1.2. Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm nghiệm chất lượng nước và định kỳ hàng tháng thông báo cho Bên B các kết quả kiểm nghiệm. Trong trường hợp chất lượng nước có biến động bất thường, Bên A có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên B.
- 3.1.3. Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này từ nhà máy của Bên A và/hoặc nhà máy, giếng của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua si nước sạch đến vị trí đồng hồ nước tại nhà khách hàng trong điều kiện không có sự tác động của

Bên B vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước tại nhà khách hàng.

3.1.4. Bên B có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, thông báo diễn tiến chất lượng nước sạch cung cấp, lập kế hoạch và thực hiện súc xả định kỳ, đột xuất, giải quyết các khiếu nại, phát sinh của khách hàng và địa phương liên quan đến chất lượng nước trong phạm vi khả năng giải quyết của Bên B. Mỗi khi Bên B có tác động vào hệ thống đường ống, trang thiết bị trên mạng và đồng hồ nước khách hàng, Bên B phải đảm bảo chất lượng nước sạch cung cấp đạt theo quy định tại Khoản 3.1.1 Điều 3 của hợp đồng này.

3.2 Kết quả công việc thuê và nhận thuê:

3.2.1. Công việc thuê và nhận thuê được hai bên xây dựng qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Bên B được hai bên thống nhất.

3.2.2. Kết quả thực hiện công việc của Bên B không được thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết quả trung bình thực hiện năm trước đó trên địa bàn.

3.2.3. Nếu kết quả thực hiện công việc của Bên B thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh và thấp hơn kết quả trung bình thực hiện năm trước đó thì hai bên sẽ thảo luận thống nhất điều chỉnh đơn giá hợp đồng trong Điều 4 của hợp đồng này.

Điều 4: Giá trị hợp đồng.

4.1. Giá trị Bên A thanh toán cho Bên B hàng tháng sẽ được tính như sau:

Hệ số 0,2577 x Doanh thu tiền nước thu được nêu tại khoản 2.3 điều 2

(Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng với thuế suất 10%)

Trong đó:

- Hệ số 0,2577: Nghĩa là cứ 1.000 đồng doanh thu tiền nước do Bên B thu được, Bên A sẽ trả tiền dịch vụ cho Bên B là 257,7 đồng.

- Doanh thu tiền nước thu được từ chuẩn thu 2: Là thực thu trong tháng và doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước được,... thực hiện đến trước thời điểm 31/12/2020 *(Phần doanh thu tiền nước từ việc điều chỉnh, thu bổ sung các khoản như: Truy thu nước gian lận,sẽ được tính toán lại vào cuối năm)*.

Vào cuối năm, 02 Bên cùng xác định lại doanh thu tiền nước và/hoặc các khoản như: Truy thu nước gian lận, thi công bể ống, sử dụng nước không qua đồng hồ, súc xả nước thi công, tiền nước do khách hàng vi phạm quy định sử dụng nước Bên B thu được (Thực thu), tính đến thời điểm 31/12/2020, để tính toán lại giá trị Hợp đồng cho phù hợp. Việc tính toán sẽ được lập thành Biên bản.

4.2. Hệ số 0,2577 sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động cấp nước năm 2020.

Điều 5: Thanh toán.

5.1. Bên A thanh toán tiền Hợp đồng dịch vụ mỗi tháng **02 đợt** cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đợt 1: Tạm ứng 50% (năm mươi phần trăm) giá trị Hợp đồng của tháng trước liền kề vào ngày 15 hàng tháng. Nếu ngày 15 hàng tháng rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì sẽ thanh toán trước/hoặc sau ngày 15 (hồ sơ tạm ứng phải được hoàn tất trước đợt tạm ứng tối đa 10 ngày làm việc).
- Đợt 2: Phần còn lại sẽ thanh toán sau khi Bên B đã thu được doanh thu tiền nước đạt 80%/ chuẩn thu 02. Thời điểm thanh toán vào ngày 10 của tháng sau và thời hạn thanh toán không quá 10 ngày làm việc.

5.2. Hàng tháng, Bên B gửi cho Bên A bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Biên bản thống nhất khối lượng công việc (Phụ lục 2).
- Thông báo số tiền thanh toán (Phụ lục 3).
- Hoá đơn tài chính hợp lệ của Bên B.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước.

6.1. Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng (như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này). Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2. Trong trường hợp vì lý do ngưng cung cấp nước được nêu ở trên làm cho khối lượng cung cấp nước sạch thấp hơn kế hoạch sản xuất kinh doanh đã xây dựng, hai bên sẽ thảo luận điều chỉnh đơn giá hợp đồng nhằm đảm bảo quyền lợi của cả hai bên.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên.

7.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 7.1.1 Thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.1.2 Đảm bảo cung cấp nguồn nước đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.1.3 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này.
- 7.1.4 Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.

- 7.1.5 Xây dựng các tiêu chuẩn, quy định, chương trình và kế hoạch nhằm định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.
- 7.1.6 Thông qua các quy trình, thủ tục về nghiệp vụ nhằm thực hiện các nội dung công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này do Bên B xây dựng và đề xuất.
- 7.1.7 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên B các trường hợp có sự can thiệp của Bên A vào hệ thống cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước cho Bên B và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.1.8 In hóa đơn tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.9 Được quyền ngưng cung cấp nước được nêu tại khoản 6.1 điều 6 của Hợp đồng này.
- 7.1.10 Được quyền yêu cầu Bên B thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

7.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- 7.2.1 Thực hiện tốt các công việc được nêu tại Điều 1 hợp đồng này với tinh thần trách nhiệm cao nhất.
- 7.2.2 Chuyển ngay trong ngày số tiền nước thu được của khách hàng trên địa bàn vào tài khoản của Bên A như sau:

Tài khoản Bên A		
Tên Tài khoản	Số Tài khoản	Mở tại
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	6220431101100091	NHNN & PTNT Việt Nam CN Chợ Lớn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	2011100459999	NHTMCP Quân Đội CN Bắc Sài Gòn
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	0461000535587	NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam CN Sóng Thần

Bên B giao hóa đơn tiền nước đã thu tiền cho khách hàng, đồng thời chuyển cho Bên A liên lưu hóa đơn tiền nước ngay trong ngày.

- 7.2.3 Có kế hoạch và thông báo trước cho Bên A các trường hợp có sự can thiệp của Bên B vào mạng lưới cấp nước có khả năng làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của bên thứ 3 có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A và/hoặc làm biến động chất lượng nước sạch cung cấp.
- 7.2.4 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng.
- 7.2.5 Lập và thực hiện các kế hoạch theo nội dung được Bên A thuê thực hiện nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- 7.2.6 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hợp đồng đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

- 7.2.7 Được quyền yêu cầu Bên A giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố, các phát sinh ngoài phạm vi công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này. Phối hợp và hỗ trợ Bên B giải quyết các phát sinh từ phía khách hàng và địa phương nếu các phát sinh này vượt khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.2.8 Được quyền yêu cầu Bên A phát hành hóa đơn tiền nước theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:

- 7.3.1 Phối hợp giải quyết các phát sinh từ khách hàng và địa phương nếu vụ việc phát sinh vượt quá khả năng giải quyết của Bên B.
- 7.3.2 Phối hợp tìm nguyên nhân và khắc phục các biểu hiện bất thường về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng.
- 7.3.3 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1. Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được, như:
- 8.1.1. Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - 8.1.2. Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - 8.1.3. Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - 8.1.4. Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- 8.2. Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.
- 8.3. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2020** đến hết ngày **31 tháng 12 năm 2020**.

9.2. Trước 15 (mười lăm) ngày khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.




Điều 10: Điều khoản chung.

- 10.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.
- 10.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3. Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 8 (tám) bản, mỗi bên giữ 4 (bốn) bản có giá trị như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Sử


ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Hoàng Thế Bảo


PHỤ LỤC 1: LỊCH ĐỌC SỐ NĂM 2020 (Do Bên B xây dựng)

Kỳ Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	(17/12)	(17/01)	(17/02)	(17/03)	(17/04)	(18/05)	(17/06)	(17/07)	(17/08)	(17/09)	(17/10)	(17/11)
17	1 ²⁸	1 ³¹	1 ³¹	1 ²⁹	1 ³¹		1 ³⁰	1 ³⁰	1 ³¹	1 ³¹		1 ²⁹
18	2 ²⁸	2 ³¹	2 ³¹	2 ²⁹	2 ³¹	1 ³¹			2 ²⁹	2 ³¹		2 ²⁹
19						2 ³¹	2 ³¹				1 ³²	
20	3 ²⁸	3 ³¹	3 ³¹	3 ²⁹	3 ³¹			2 ³¹	3 ³⁰		2 ³²	3 ²⁹
21		4 ²⁹	4 ³¹		4 ²⁹	3 ³¹		3 ²⁹	4 ²⁹	3 ³²		
22		5 ²⁹				4 ³¹	3 ³²			4 ³²	3 ³¹	
23	4 ³⁰	Tết		4 ³¹	5 ³⁰		4 ³²	4 ³⁰			4 ³¹	4 ³¹
24	5 ²⁹	Tết	5 ³³	5 ²⁹	6 ²⁹			5 ²⁹	5 ³¹	5 ³¹	5 ³⁰	5 ³¹
25		Tết	6 ²⁶			5 ³²	5 ³¹		6 ²⁹	6 ³¹		
26	6 ³⁰	Tết		6 ³⁰		6 ³²	6 ³¹			7 ³⁰	6 ³¹	6 ³¹
27	7 ²⁹	Tết	7 ²⁷	7 ²⁹	7 ³¹			6 ³¹	7 ³⁰		7 ³¹	7 ³¹
28	8 ²⁹	Tết	8 ²⁷	8 ²⁹	8 ³¹	7 ³¹		7 ²⁹	8 ²⁹	8 ³¹		8 ³⁰
29		Tết	9 ²⁶		9 ³⁰	8 ³¹	7 ³²			9 ²⁹	8 ³¹	
30	9 ²⁶	6 ³⁵		9 ³⁰	Lễ 30/04	9 ³¹	8 ³²	8 ³⁰			9 ³¹	9 ³¹
31	10 ²⁷	7 ³⁵		10 ²⁹				9 ³⁰	9 ³¹			
01	Tết DL	8 ³⁵		11 ²⁹	Lễ 01/05	10 ²⁸	9 ³²	10 ³⁰	10 ³¹	10 ³⁰		10 ²⁹
02	11 ²⁸		10	Giỗ tổ		11 ²⁸	10 ³¹		Lễ 02/09	11 ²⁹	10 ³²	
03	12 ²⁸	9 ³⁷	11 ²⁸				11 ³¹	11 ³¹	11 ³¹		11 ³²	11 ³⁰
04		10 ³⁶			10 ³⁴	12 ²⁸		12 ²⁹	12 ³¹			12 ²⁹
05		11 ³⁴	12 ²⁸		11 ³⁴	13 ²⁸				12 ³¹	12 ³¹	13 ²⁹
06	13 ²⁹	12 ³⁴	13 ²⁹	12 ³²			12 ³²	13 ³⁰		13 ²⁹	13 ³¹	
07	14 ²⁹	13 ³²		13 ³²	12 ³¹		13 ³²	14 ³⁰	13 ³²		14 ³²	14 ²⁸
08		14 ³²			13 ³¹	14 ³⁰	14 ³⁰	15 ²⁹	14 ³²	14 ³⁰		15 ³⁰
09	15 ³⁰		14 ³⁰	14 ³¹	14 ³⁰	15 ²⁹			15 ³²	15 ³⁰	15 ³⁰	
10	16 ³⁰	15 ³²	15 ²⁹	15 ³¹			15 ³¹	16 ³⁰			16 ²⁸	16 ³¹
11		16 ³²	16 ²⁹	16 ³¹	15 ³¹	16 ³⁰	16 ³⁰	17 ²⁹	16 ³²			17 ²⁹
12		17 ³⁰	17 ²⁹		16 ³¹	17 ³⁰			17 ³²	16 ³¹	17 ³⁰	
13	17 ³¹	18 ³⁰	18 ²⁹	17 ³²	17 ³⁰	18 ³⁰	17 ³¹	18 ³⁰		17 ³¹	18 ³⁰	
14	18 ³²	19 ³⁰	19 ²⁹	18 ³²	18 ³⁰		18 ³¹	19 ³⁰	18 ³²	18 ³⁰	19 ³⁰	18 ³¹
15	19 ³²	20 ³⁰		19 ³²	19 ³⁰	19 ³¹	19 ³²	20 ³⁰	19 ³²	19 ³⁰		19 ³¹
16	20 ³¹		20 ³⁰	20 ³¹	20 ³⁰	20 ³¹	20 ³¹		20 ³²	20 ³⁰	20 ³¹	20 ³⁰
Chu kỳ	29,20	32,25	28,90	30,35	30,75	30,20	31,10	29,85	30,90	30,45	30,85	29,95



Thứ bảy



Chủ nhật



Không có ngày

PHỤ LỤC 2: MẪU BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., chúng tôi gồm:

- Đại diện Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Đại diện Bên B : Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Cùng tiến hành thống nhất khối lượng công việc Bên A thuê và Bên B nhận thuê tháng.....năm.....được xác định căn cứ vào tổng doanh thu tiền nước Bên B thu được:

- *Từ chuẩn thu 02 năm 2020:..... đồng (1)*
- *Từ số tiền chưa thu (tồn thu) được của năm 2019:đồng (2)*
- *Tổng cộng: (1) + (2) =đồng*

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 3: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CT CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB-.....

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THÁNG NĂM

Kính gửi: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV

- Căn cứ hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch số ngày
- Căn cứ Biên bản thống nhất khối lượng công việc tháng ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Số tiền mà Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo Hợp đồng dịch vụ số, tháng.....năm..... hàng tháng sẽ được tính như sau:

Hệ số 0,2577 x Doanh thu tiền nước thu được (từ chuẩn thu 2) và tiền nước thu được của năm 2019 chưa thu được (tồn thu) (Có giá trị trước thuế và không bao gồm phí bảo vệ môi trường).

Thuế giá trị gia tăng (10%) =đồng

Số tiền thanh toán: đồng (1)

Số tiền đã tạm ứng(*Nếu có*):.....(2)

Số tiền còn lại phải thanh toán:(3)=(1) – (2)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2020

HỢP ĐỒNG

**Thu hộ phí bảo vệ môi trường
đối với nước thải sinh hoạt**

Số: 224 /HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;
- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 67/2003/NĐ-CP, ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ban hành kèm Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 14/04/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được ban hành kèm Quyết định số 001/QĐ-TA-HĐQT ngày 26/01/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công trường Quốc tế, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN**

Trụ sở chính : Số 01 Công trường Quốc tế, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 8 291 974. Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 6220 431101100 091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt nam Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301129367 lần đầu, ngày cấp 20/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 25/01/2019, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Do Ông : **NGUYỄN THANH SỬ** – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Theo giấy Ủy quyền: Số 1365/GUQ-TCT-HĐTV, ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Trụ sở chính : Số 873A đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 35.883.474 – 35.883.478 Fax: 35.883.475

Tài khoản số : 6220211 410006 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn Phòng giao dịch Hoà Bình-TP.HCM.

Mã số thuế : 0310350082

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An – Mã số doanh nghiệp số: 0310350082 đăng ký thay đổi lần thứ 07, ngày 10/7/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Do Ông : **HOÀNG THẾ BẢO** – Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thông nhất ký kết Hợp đồng thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với các Điều khoản sau:

Điều 1: Đối tượng và phạm vi của Hợp đồng.

- 1.1. Đối tượng Hợp đồng: Bên B thay mặt Bên A thực hiện thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 67/2003/NĐ-CP, ngày 13/6/2003 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định 139/2007/QĐ-UBND, ngày 20/12/2007 điều chỉnh Quyết định 190/2004/QĐ-UB, ngày 30/7/2004 và Quyết định 88/2010/QĐ-UBND, ngày 24/12/2010 về điều chỉnh mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.2. Phạm vi Hợp đồng: Bên B thực hiện thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt các khách hàng trong phạm vi địa bàn Quận 12, Quận Gò Vấp (ngoại trừ Phường 01) và Huyện Hóc Môn.

Điều 2: Công việc.

- 2.1. Việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được thực hiện song song với thu tiền nước khách hàng. Căn cứ trên hoá đơn tiền nước do Bên A phát hành và Hợp đồng dịch vụ mà hai Bên đã ký kết. Số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt Bên B thu được hàng ngày phải chuyển toàn bộ vào tài khoản ngân hàng của Bên A ngay trong ngày được nêu trong Hợp đồng này.
- 2.2. Các chứng từ chuyển khoản và/hoặc các phiếu thu có liên quan đến việc thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt do Bên B nộp cho Bên A là cơ sở để hai bên đối chiếu và tính toán số tiền Bên B được hưởng từ việc thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 3: Xác định giá trị thanh toán.

- Vào cuối mỗi năm, trên cơ sở số tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt thu được trong năm, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phụ cấp nhân công từ số trích 1% phí bảo vệ môi trường để lại (Chưa bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng) như sau:

$$PC_{NC} = TC_{BVMT} \times TL_{PC} \times TL_{NCTT} \times TT_{BVMT}$$

Trong đó:

- + PC_{NC} : phụ cấp nhân công.
- + TC_{BVMT} : tổng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên A được trích để lại trong năm.
- + TL_{NC} : tỷ lệ phụ cấp nhân công tính trên TC_{BVMT} là 62%.
- + TL_{NCTT} : tỷ lệ phụ cấp nhân công trực tiếp được hưởng trên TL_{NC} là 70%.
- + TT_{BVMT} : tỷ trọng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên B thu được trong tổng số tiền phí bảo vệ môi trường Bên A thu được trong năm.

Điều 4: Thanh toán.

- 4.1. Bên A sẽ thanh toán số tiền Bên B được hưởng như quy định tại điều 3 bằng hình thức chuyển khoản vào thời gian tối đa 20 ngày làm việc sau khi hoàn tất đầy đủ chứng từ thanh toán.
- 4.2. Chứng từ thanh toán bao gồm:
 - + Bảng tổng hợp số phí bảo vệ môi trường thu được thực tế trong năm có xác nhận của hai Bên.
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ (bao gồm 10% thuế GTGT) và ngày xuất hóa đơn phải thuộc năm dương lịch trích 1% phí bảo vệ môi trường.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của các Bên.

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- 5.1.1. Có nghĩa vụ phát hành hoá đơn tiền nước có phí bảo vệ môi trường đúng tiến độ đọc số và thu tiền.